

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2025

Thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của Bộ giáo dục và Đào tạo;

Trường Tiểu học Hoàng Văn Nô báo cáo công khai các hoạt động giáo dục năm 2025, cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Hoàng Văn Nô

2. Địa chỉ trụ sở chính

Bản Tà Lèng, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

Điện thoại: 0916589080

Thư điện tử: chuyenmonhoangvanngo@gmail.com

Trang thông tin điện tử: thoangvanngo.pgdtphdienbienphu.edu.vn

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Công lập

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

a) Quyết định thành lập trường: số 347/QĐ-CT ngày 11/10/2002 của UBND thị xã Điện Biên Phủ nay là phường Điện Biên Phủ.

b) Quyết định điều động, bổ nhiệm của Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

- Quyết định số 822/QĐ-UBND, ngày 06/11/2025 của UBND phường Điện Biên Phủ về việc bổ nhiệm lại viên chức lãnh đạo quản lý Phó hiệu trưởng phụ trách trường tiểu học Hoàng Văn Nô (Nguyễn Đức Thành)

- QĐ số 108/QĐ-UBND ngày 19/7/2025 của UBND phường Điện Biên Phủ về việc bổ nhiệm lại viên chức lãnh đạo quản lý (Vũ Đình Mậm).

c) Quy chế tổ chức và hoạt động

* Ban giám hiệu:

- Phó hiệu trưởng phụ trách trường: Nguyễn Đức Thành

- Hiệu phó: Vũ Đình Mậm

* Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng:

- Tổ chuyên môn khối 1,2

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Dạy lớp, môn	Ghi chú
1	Phạm Thị Hồng Hạnh	ĐH	GVCN 2A	Tổ trưởng
2	Đào Thị Chung Hương	ĐH	GVCN 1A	
3	Hoàng Thị Thu	ĐH	Ghép 1+2	
4	Cao Đăng Minh	ĐH	GV chuyên văn hoá	
5	Vũ Đình Mậm	ĐH	Phó hiệu trưởng	

- Tổ chuyên môn khối 3+4+5:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Dạy lớp, môn	Ghi chú
1	Đặng Thị Ngọc Lan	ĐH	GVCN 5A	Tổ trưởng
2	Ngô Văn Lệ	ĐH	GVCN 4A	
3	Nguyễn Hữu Tú	ĐH	GVCN 3A	
4	Nguyễn Thị Thanh Loan	ĐH	GV Tiếng Anh	
5	Phạm Thanh Sơn	ĐH	TPTĐ	
6	Nguyễn Đức Thành	ĐH	Phó hiệu trưởng	

- Tổ Văn phòng:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Nhiệm vụ được giao	Ghi chú
1	Mai Thị Thanh	ĐH	Giáo viên	Tổ trưởng

2	Trần Thị Phúc	ĐH	Văn thư - thủ quỹ	
3	Lò Văn Tình		NV bảo vệ	
4	Lò Văn Năm		NV bảo vệ	

đ) Lãnh đạo cơ sở giáo dục:

Ông: Nguyễn Đức Thành - Chức vụ: Phó hiệu trưởng phụ trách trường. Địa chỉ nơi làm việc: Bản Tà Lèng, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số điện thoại: 0916589080; Địa chỉ thư điện tử ducvietkhai@gmail.com

*** Nhiệm vụ:**

Phụ trách chung, Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn khối 3+4+5.

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng kỉ luật, hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; cử giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

Thực hiện các nhiệm vụ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan quản lý giáo dục; xây dựng kế hoạch phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên, nhân viên; động viên và tạo điều kiện cho giáo viên và nhân viên tham gia các hoạt động đổi mới giáo dục; thực hiện đánh giá, xếp loại giáo viên, nhân viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tham gia quá trình tuyển dụng, chuyển chuyển, sắp xếp giáo viên; tổ chức các bước giới thiệu nhân sự đề nghị cấp có thẩm quyền bổ nhiệm phó hiệu trưởng.

Quản lý, tiếp nhận học sinh, cho phép học sinh chuyển trường; quyết định kỉ luật, khen thưởng học sinh; phê duyệt kết quả đánh giá học sinh, danh sách học sinh lên lớp, lưu ban; tổ chức kiểm tra công nhận việc hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh trong nhà trường và các đối tượng khác trên địa bàn trường phụ trách.

Tổ chức triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; sách giáo khoa, nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Thực hiện quản lý, sử dụng và lựa chọn các xuất bản phẩm tham khảo sử dụng trong nhà trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý. Dự các lớp bồi

dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy theo quy định về định mức tiết dạy đối với hiệu trưởng: 02 tiết/tuần.

Quản lý hành chính; quản lý và tự chủ trong việc sử dụng các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường theo quy định.

Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện xã hội hoá giáo dục, phối hợp tổ chức, huy động các lực lượng xã hội cùng tham gia hoạt động giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường đối với cộng đồng xã hội.

Xây dựng môi trường học đường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường theo quy định của Pháp luật.

Được hưởng chế độ phụ cấp đối với nhà giáo và các chính sách ưu đãi theo quy định.

Ông: Vũ Đình Mập - Chức vụ: Phó Hiệu trưởng; Điện thoại: 0941715472; Thư điện tử: vudinhman@gmail.com Địa chỉ nơi làm việc: Bản Tà Lèng, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên .

*** Nhiệm vụ:**

Phụ trách chuyên môn chung. Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn khối 1+2.

Phụ trách lao động, CSVN, phổ cập, công nghệ thông tin, khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục, công tác y tế, thư viện- thiết bị, công tác vệ sinh, công đoàn, đoàn - đội, các phong trào, cuộc thi, công tác khuyến học, chữ thập đỏ.

Giúp HT phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại, danh sách học sinh lên lớp, ở lại lớp; tổ chức kiểm tra xác nhận việc hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh trong nhà trường.

Chịu trách nhiệm điều hành công việc do hiệu trưởng phân công.

Điều hành hoạt động của nhà trường khi được hiệu trưởng ủy quyền.

Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy 4 tiết/tuần.

Chỉ đạo xây dựng các loại Hồ sơ, kế hoạch chuyên môn.

Thay Hiệu trưởng ký các văn bản thuộc lĩnh vực, công tác được phân công chỉ đạo, giải quyết và các văn bản do Hiệu trưởng ủy quyền.

Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao với Hiệu trưởng;

Được đề nghị Phó hiệu trưởng phụ trách trường miễn nhiệm tổ trưởng chuyên môn khi nhận thấy tổ trưởng chuyên môn thuộc lĩnh vực mình phụ

trách chưa hoàn thành nhiệm vụ được giao;

Trực tiếp chỉ đạo công tác dạy và học, thao giảng, dự giờ GV, công tác phổ cập giáo dục tiểu học, xóa mù chữ.

Phối hợp với các tổ chức trong nhà trường tổ chức các hoạt động VHVN, TDTT, hoạt động GDNGLL,...

Tổ chức công tác kiểm tra GV trong giảng dạy và giáo dục học sinh, kiểm tra việc bảo quản tài sản, sử dụng đồ dùng, trang thiết bị dạy học.

Xây dựng kế hoạch, chỉ đạo công tác lao động, vệ sinh trường lớp, bổ sung cơ sở vật chất.

Chịu trách nhiệm trước Phó hiệu trưởng phụ trách trường về chất lượng chuyên môn của nhà trường, cùng Hiệu trưởng chịu trách nhiệm trước cấp trên về thực hiện nhiệm vụ năm học.

Căn cứ kế hoạch năm học, lập kế hoạch hoạt động chuyên môn hàng tháng, hàng tuần, triển khai thực hiện khi có phê duyệt của hiệu trưởng, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch chuyên môn; chuẩn bị nội dung họp chuyên môn.

Dựa theo phân công chuyên môn lập thời khoá biểu, kế hoạch thăm lớp dự giờ, thao giảng, dạy thay...Kiểm tra hoạt động của các lớp, của giáo viên chủ nhiệm.

Kiểm tra đôn đốc việc thực hiện các loại hồ sơ chuyên môn. Thực hiện đánh giá chất lượng, kiểm tra chất lượng các kỳ, theo dõi và đề ra biện pháp để thúc đẩy sự tiến triển chất lượng dạy và học.

Thay mặt Hiệu trưởng tham dự các cuộc họp hoặc giải quyết các công việc khi Hiệu trưởng vắng mặt, sau đó phải báo cáo lại cho Phó hiệu trưởng phụ trách trường biết.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	06	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	06	2,17
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	

4	Phòng học nhò, mượn	0	
III	Số điểm trường lẻ	1	
IV	Tổng diện tích đất (m²)	5853	52,72 m ² / HS
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2400	21,6 m ² / HS
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	300	2,7 m ² / HS
2	Diện tích thư viện (m ²)	100	0,38 m ² / HS
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	54	0,99 m ² /HS
4	Diện tích phòng mỹ thuật (m ²)	50	2,17 m ² /HS
5	Diện tích phòng âm nhạc (m ²)	50	2,17 m ² /HS
6	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	50	2,17 m ² /HS
7	Diện tích phòng học tin học (m ²)	50	2,17 m ² /HS
8	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	50	2,17 m ² /HS
9	Diện tích phòng khoa học và công nghệ (m ²)	50	2,17 m ² /HS
10	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	33	1,3 m ² / HS
10	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	18	0,78 m ² / HS
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (ĐV tính:bộ)	12	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	7	
1.1	Khối lớp 1	2	1 bộ / lớp
1.2	Khối lớp 2	2	1 bộ / lớp
1.3	Khối lớp 3	1	1 bộ / lớp
1.4	Khối lớp 4	1	1 bộ / lớp
1.5	Khối lớp 5	1	1 bộ / lớp

2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		
2.3	Khối lớp 3		
2.4	Khối lớp 4		
2.5	Khối lớp 5		
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	25	1,2 HS/ 1bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	3	
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	13	1 máy /1 lớp
5	Máy phô tô	01	
6	Tăng âm	2	
7	Máy tính	7	
8	Máy chiếu vật thể	4	4 máy /6 lớp

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	30

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XIII	Khu bán trú	36	85	0,42

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho	Dùng cho học sinh	Số m ² /học sinh
-----	-------------	----------	-------------------	-----------------------------

		giáo viên				
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		2		0,12 m ² /HS
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

*** Danh mục sách giáo khoa đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục tham khảo lựa chọn**

Danh mục Sách giáo khoa đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt: Sách giáo khoa lớp 1 thực hiện như năm học 2020-2021 và điều chỉnh theo Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh, lớp 2 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 và điều chỉnh theo Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh, lớp 3 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh, lớp 4 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của UBND tỉnh, lớp 5 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh. Cụ thể:

Sách giáo khoa Chương trình GDPT 2018				
Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
Tiếng Việt 1 (tập 1,2)	Tiếng Việt 2 (tập 1,2)	Tiếng Việt 3 (tập 1,2)	Tiếng Việt 2 (tập 1,2)	Tiếng Việt 2 (tập 1,2)
Toán 1	Toán 2	Toán 3	Toán 4	Toán 5
		Tiếng Anh 3	Tiếng Anh 4	Tiếng Anh 5
		Tin học 3	Tin học 4	Tin học 5

		Công nghệ 3	Công nghệ 4	Công nghệ 5
			Lịch sử và Địa lý 4	Lịch sử và Địa lý 5
TNXH 1	TNXH 2	TNXH 3	Khoa học 4	Khoa học 5
Đạo đức 1	Đạo đức 2	Đạo đức 3	Đạo đức 4	Đạo đức 5
Âm nhạc 1	Âm nhạc 2	Âm nhạc 3	Âm nhạc 4	Âm nhạc 5
Mĩ thuật 1	Mĩ thuật 2	Mĩ thuật 3	Mĩ thuật 4	Mĩ thuật 5
Giáo dục thể chất 1	Giáo dục thể chất 2	Giáo dục thể chất 3	Giáo dục thể chất 4	Giáo dục thể chất 5
Hoạt động trải nghiệm 1	Hoạt động trải nghiệm 2	Hoạt động trải nghiệm 3	Hoạt động trải nghiệm 4	Hoạt động trải nghiệm 5
Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 1	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 2	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 3	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 4	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 5

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục

Số tiêu chí đạt: 28/28

Số tiêu chí chưa đạt: 0

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia:

Nhà trường được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 theo Quyết định số 341/QĐ-SGDĐT, ngày 12/07/2023 của Sở giáo dục tỉnh Điện Biên và đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 theo quyết định số 1118/QĐ-UBND, ngày 17/07/2023 của UBND tỉnh Điện Biên

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

- Học sinh hoàn thành tham gia các cuộc thi : Toán, TNTV, Tiếng Anh qua mạng cấp trường. Tiếp tục tham gia tự luyện chuẩn bị thi cấp cụm trường.

- Đã KTCL cuối HKI đối với tất cả các lớp. Chất lượng cụ thể:

a. Các môn học và hoạt động giáo dục:

Khối lớp	Tổng	Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5
Tổng số học sinh	111	27	21	21	19	23

HS Khuyết tật		6		1	0	2	2	1
HS được đánh giá		109		26	21	21	18	23
Môn học	MDD	<i>SL</i>	<i>%</i>					
Tiếng Việt	HTT	82	75.2	20	19	18	10	15
	HT	25	23.0	4	2	3	8	8
	CHT	2	1.80	2	0	0	0	0
Toán	HTT	67	61.5	18	17	10	9	13
	HT	40	36.7	6	4	11	9	10
	CHT	2	1.80	2	0	0	0	0
Ngoại ngữ	HTT	36	58,1			14	8	14
	HT	26	41,9			7	10	9
	CHT	0	0			0	0	0
Đạo đức	HTT	78	71,6	16	14	21	9	18
	HT	29	26,6	8	7	0	9	5
	CHT	2	1,8	2	0	0	0	0
TN&XH	HTT			13	14			
	HT			11	7			
	CHT			2	0			
Khoa học	HTT	27	65,9				7	20
	HT	14	34,1				11	3
	CHT	0	0				0	0
Lịch sử - Địa lý	HTT	22	53,7				8	14
	HT	19	46,3				10	9
	CHT	0	0				0	0
Âm nhạc	HTT	60	55,1	12	13	13	7	15
	HT	47	43,1	12	8	8	11	8
	CHT	2	1,8	2		0	0	0
Mĩ Thuật	HTT	61	56,0	12	13	13	7	16
	HT	46	46,2	12	8	8	11	7

	CHT	2	1,8			0	0	0
GDTC	HTT	67	61,5	14	13	13	8	19
	HT	40	36,7	10	8	8	10	4
	CHT	2	1,8	2	0	0	0	0
Tin học	HTT	47	75,8			13	15	19
	HT	15	24,2			8	3	4
	CHT	0	0			0	0	0
Công nghệ	HTT	38	61,3			10	8	20
	HT	24	38,7			11	10	3
	CHT	0	0			0	0	0
HDTN	HTT	66	60,6	14	14	13	7	18
	HT	41	37,6	10	7	8	11	5
	CHT	2	1,8	2	0	0	0	0

b. Năng lực:

Khối lớp		Tổng		Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5
Tổng số học sinh		111		27	21	21	19	23
HS Khuyết tật		6		1	0	2	2	1
HS được đánh giá		109		26	21	21	18	23
Năng lực chung	MĐĐ	<i>SL</i>	<i>%</i>					
1. Tự chủ và tự học	Tốt	58	53,2	10	13	13	6	16
	Đạt	49	45,0	14	8	8	12	7
	CCG	2	1,8	2	0	0	0	0
2. Giao tiếp và hợp tác	Tốt	64	58,7	12	16	13	7	16
	Đạt	43	39,5	12	5	8	11	7
	CCG	2	1,8	2	0	0	0	0
3. Giải quyết vấn đề và sáng tạo	Tốt	54	49,6	12	11	13	6	12
	Đạt	53	18,6	12	10	8	12	11
	CCG	2	1,8	2	0	0	0	0
Năng lực	MĐĐ	SL	%					

đặc thù								
1. Ngôn ngữ	Tốt	66	60,6	17	13	13	7	16
	Đạt	43	39,4	9	8	8	11	7
	CCG			0	0	0	0	0
2. Tính toán	Tốt	57	52,3	12	13	13	6	13
	Đạt	50	45,9	12	8	8	12	10
	CCG	2	1,8	2	0	0	0	0
3. Khoa học	Tốt	63	57,8	10	13	13	7	20
	Đạt	46	42,2	16	8	8	11	3
	CCG			0	0	0	0	0
4. Thẩm mỹ	Tốt	61	56,0	10	15	13	7	16
	Đạt	48	44,0	16	6	8	11	7
	CCG			0	0	0	0	0
5. Thể chất	Tốt	65	59,6	12	13	13	8	19
	Đạt	44	40,4	14	8	8	10	4
	CCG			0	0	0	0	0
6. Công nghệ	Tốt	40	64,5			13	7	20
	Đạt	22	35,5			8	11	3
	CCG					0	0	0
7. Tin học	Tốt	39	62,9			13	7	19
	Đạt	23	37,1			8	11	4
	CCG					0	0	0

c. Phẩm chất:

Khối lớp		Tổng		Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5
Tổng số HS		111		27	21	21	19	23
HS Khuyết tật		6		1	0	2	2	1
HS được đánh giá		109		26	21	21	18	23
Phẩm chất	MĐĐ	<i>TS</i>	<i>%</i>					
1. Yêu nước	Tốt	109	100	26	21	21	18	23
	Đạt			0	0	0	0	0

	CCG			0	0	0	0	0
2.Nhân ái	Tốt	101	92,7	26	21	13	18	23
	Đạt	8	7,3		0	8	0	0
	CCG			0	0	0	0	0
3. Chăm chỉ	Tốt	69	63,3	14	19	13	7	16
	Đạt	40	36,7	12	2	8	11	7
	CCG			0	0	0	0	0
4. Trung thực	Tốt	87	79,8	20	21	13	10	23
	Đạt	22	20,2	6	0	8	8	0
	CCG			0	0	0	0	0
5. Trách nhiệm	Tốt	89	81,7	22	21	13	10	16
	Đạt	20	18,3	4	0	8	8	7
	CCG			0	0	0	0	0

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

TT	Chỉ tiêu	Năm báo cáo: 2025 (25-26)
I	Tổng số thu	4.423.744.925
1	Nguồn ngân sách cấp	4.423.744.925
1.1	Nguồn chi thường xuyên	3.449.154.925
1.2	Nguồn chi không thường xuyên	974.590.000
	Trong đó:	
	- Mua sắm trang thiết bị dạy và học	724.340.000
	- Hỗ trợ chi phí học tập	30.250.000
	- Chế độ bán trú	0
	- Hỗ trợ học sinh khuyết tật (nguồn 12)	0
	- mua vật tư hàng hóa	0
	- Kinh phí hỗ trợ việc dạy và học trẻ DTTS	0

	- Kinh phí thực hiện đề án chuyển đổi số	0
	Tiền thưởng (Nguồn 18)	220.000.000
2	Nguồn thu khác	0
	Dịch vụ dọn vệ sinh cho học sinh (Thỏa thuận)	
II	Tổng số chi	4.066.100.654
<i>1.1</i>	<i>Nguồn chi thường xuyên</i>	<i>3.373.850.654</i>
	Tiền lương và các khoản theo lương	3.105.896.176
	Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng	250.959.578
	Chi hoạt động giáo dục	16.994.900
<i>1.2</i>	<i>Nguồn chi không thường xuyên</i>	<i>692.250.000</i>
	Trong đó: - Mua sắm trang thiết bị dạy và học	675.000.000
	- Hỗ trợ chi phí học tập	17.250.000
	- Chế độ bán trú	0
	- Hỗ trợ học sinh khuyết tật (nguồn 12)	0
	- mua vật tư hàng hóa	0
	- chế độ tăng cường tiếng việt cho HS DTTS	0
	Tiền thưởng (nguồn 18)	0
<i>1.3</i>	<i>Nguồn chi khác</i>	<i>0</i>
	Dịch vụ dọn vệ sinh cho học sinh (Thỏa thuận)	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

1. Công tác quản lý, chỉ đạo

Triển khai và thực hiện nghiêm túc các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng ủy, HĐND- UBND phường Điện Biên Phủ; Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Văn hóa – Xã hội. Thực hiện có hiệu quả các cuộc vận động, các phong trào thi đua tạo sự chuyển

biến mạnh mẽ. Duy trì mạng lưới trường lớp, sĩ số học sinh đáp ứng việc nâng cao nhu cầu học tập của con em các dân tộc trên địa bàn xã. Thực hiện đa dạng hoá loại hình trường lớp.

Triển khai thực hiện chương trình giáo dục năm học 2025-2026 các cấp học đảm bảo kế hoạch thời gian của UBND tỉnh. Triển khai thực hiện hiệu quả. Chương trình giáo dục phổ thông mới từ lớp 1 đến lớp 5 theo hướng dẫn của Bộ, Sở Giáo dục và Đào tạo. Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; đổi mới kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018. Tăng cường chỉ đạo việc dạy học, cách hoạt động giáo dục đảm bảo chất lượng, hiệu quả. Tổ chức tốt các cuộc thi giáo viên các môn văn hóa theo kế hoạch và đạt kết quả cao. Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình tiếng Anh từ lớp 3 đến lớp 5 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Chỉ đạo phó hiệu trưởng, các tổ chuyên môn thực hiện linh hoạt, sáng tạo trong việc chỉ đạo triển khai thực hiện chương trình giáo dục năm học 2025-2026 của các cấp vừa đảm bảo kế hoạch thời gian năm học; đồng thời có những chỉ đạo điều chỉnh thực hiện các nhiệm vụ giáo dục theo các văn bản chỉ đạo các cấp, phù hợp với tình hình thực tiễn của nhà trường. Tích cực đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá.

Công tác đầu tư trang thiết bị dạy học được quan tâm, đặc biệt chú trọng đầu tư cho đáp ứng yêu cầu trường chuẩn quốc gia. Tích cực đổi mới giáo dục phổ thông. Chất lượng giáo dục toàn diện được duy trì giữ vững, phản ánh thực chất, khách quan. Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển nhà trường.

Công tác bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý đầu năm học được quản lý, chỉ đạo và tổ chức thực hiện đảm bảo các nội dung cần cho triển khai nhiệm vụ năm học mới và việc triển khai thực hiện Chương trình GDPT năm 2018. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục không ngừng tu dưỡng rèn luyện phẩm chất đạo đức, nỗ lực học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ tin học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Việc bố trí, sử dụng viên chức đảm bảo khoa học, phù hợp tình hình thực tế quy mô trường, lớp và số lượng người làm việc theo đúng quy định. Tổ chức tốt các cuộc thi giáo viên dạy giỏi cấp trường đạt kết quả cao.

Sử dụng nguồn kinh phí được cấp theo đúng nguyên tắc công khai dân chủ. Thực hiện nghiêm túc, kịp thời, đầy đủ, minh bạch đúng đối tượng chế độ chính sách đối với cán bộ, giáo viên, học sinh.

Công tác xã hội hoá giáo dục tiếp tục được đẩy mạnh, huy động tối đa nguồn lực, vật lực, tài lực cho giáo dục. Phối kết hợp chặt chẽ giữa gia đình - nhà trường - xã hội chăm sóc giáo dục học sinh. Làm tốt công tác thông tin truyền thông nhiệm vụ năm học 2025-2026 và thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

2. Những điểm mới, sáng tạo trong công tác quản lý, chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ đầu năm học và tổ chức các hoạt động giáo dục

Chủ động linh hoạt, sáng tạo trong việc xây dựng kế hoạch nhiệm vụ năm học bám sát các văn bản chỉ đạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn của xã, có kế hoạch thời gian, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các bộ phận theo từng nội dung công việc. Phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên phù hợp với năng lực, giao quyền chủ động trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Ban giám hiệu nhà trường trong việc triển khai nhiệm vụ năm học.

Trên đây là báo cáo công khai các hoạt động giáo dục được quy định tại Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT năm 2025 của Trường Tiểu học Hoàng Văn Nô./.

Nơi nhận:

- Websize nhà trường;
- CB, GV, NV, PH;
- Lưu VT.



Nguyễn Đức Thành